



BẢNG GIÁ TRẦN DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 1
DỰ ÁN CASAMIA CALM HỘI AN

(Áp dụng từ ngày 20/4/2021 cho đến khi có thông báo mới)

TT	DÃY	LÔ SỐ	KÝ HIỆU LÔ	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT (M2)	TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M2)	GIÁ TRẦN (BAO GỒM VAT)
1	TT04	01	TT04.01	150	179,85	7.775.250.000
2	TT04	02	TT04.02	150	179,85	7.222.950.000
3	TT04	09	TT04.09	196,4	179,85	9.904.200.000
4	TT05	08	TT05.08	268,8	265,06	12.414.420.000
5	TT07	09	TT07.09	219,7	265,06	10.595.760.000
6	TT08	09	TT08.09	252,7	265,06	11.265.900.000
7	TT09	04	TT09.04	150	179,85	6.511.580.000
8	TT09	05	TT09.05	150	179,85	6.511.580.000
9	TT09	07	TT09.07	150	179,85	6.511.580.000
10	TT09	08	TT09.08	150	179,85	6.511.580.000
11	TT09	09	TT09.09	288,3	265,06	13.136.580.000
12	TT10	01	TT10.01	150	179,85	6.760.680.000
13	TT10	02	TT10.02	150	179,85	6.543.380.000
14	TT10	03	TT10.03	150	179,85	6.543.380.000
15	TT10	04	TT10.04	150	179,85	6.543.380.000
16	TT10	05	TT10.05	150	179,85	6.543.380.000
17	TT10	08	TT10.08	150	179,85	6.543.380.000
18	TT10	09	TT10.09	150	179,85	6.543.380.000
19	TT11	01	TT11.01	150	179,85	6.726.760.000
20	TT11	02	TT11.02	150	179,85	6.511.580.000
21	TT11	03	TT11.03	150	179,85	6.511.580.000
22	TT11	04	TT11.04	150	179,85	6.511.580.000
23	TT11	05	TT11.05	150	179,85	6.511.580.000
24	TT11	06	TT11.06	150	179,85	6.511.580.000
25	TT11	07	TT11.07	150	179,85	6.511.580.000
26	TT11	08	TT11.08	150	179,85	6.511.580.000
27	TT11	09	TT11.09	150	179,85	6.511.580.000
28	TT11	10	TT11.10	150	179,85	6.511.580.000
29	TT11	11	TT11.11	173,8	179,85	7.996.800.000
30	TT12	01	TT12.01	150	179,85	6.419.360.000
31	TT12	02	TT12.02	150	179,85	6.226.440.000
32	TT12	03	TT12.03	150	179,85	6.226.440.000
33	TT12	04	TT12.04	150	179,85	6.226.440.000
34	TT12	05	TT12.05	150	179,85	6.226.440.000
35	TT12	06	TT12.06	150	179,85	6.226.440.000
36	TT12	07	TT12.07	150	179,85	6.226.440.000
37	TT12	08	TT12.08	150	179,85	6.226.440.000
38	TT12	09	TT12.09	150	179,85	6.226.440.000
39	TT12	10	TT12.10	150	179,85	6.226.440.000
40	TT12	11	TT12.11	174,7	179,85	7.577.580.000